

BÁO CÁO
Kết quả công tác cải cách hành chính Quý I năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/2024 của UBND huyện Trục Ninh về cải cách hành chính năm 2024; Công văn số 135/UBND-NV ngày 15/01/2024 của UBND huyện về việc xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2024; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND xã Phương Định về cải cách hành chính năm 2024. UBND xã Phương Định báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ CCHC Quý I năm 2024 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Việc xây dựng và ban hành kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/2024 của UBND huyện Trục Ninh về cải cách hành chính năm 2024, UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 22/01/2024 về cải cách hành chính năm 2024 làm cơ sở để tổ chức triển khai các nhiệm vụ công tác CCHC trong năm. Trong đó xác định các nội dung cụ thể CCHC cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện với các nhiệm vụ theo từng tháng, quý và phân công trách nhiệm đối với từng cán bộ, công chức nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ CCHC gắn với chức năng nhiệm vụ công tác được giao.

2. Công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Quán triệt và triển khai thực hiện Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Nam Định, giai đoạn 2021-2025; Chương trình số 06-Ctr/HU ngày 17/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về đẩy mạnh cải cách hành chính huyện Trục Ninh giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 19/10/2021 của UBND huyện về cải cách hành chính nhà nước huyện Trục Ninh, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/2024 của UBND huyện Trục Ninh về cải cách hành chính năm 2024 tới toàn thể cán bộ, công chức, cán bộ chủ chốt địa phương.

Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện CCHC, trong Quý I, UBND xã đã ban hành các văn bản:

- + Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024;
- + Kế hoạch công tác Tư pháp;
- + Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã;
- + Kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật hòa giải ở cơ sở;

- + Kế hoạch cải cách hành chính;
- + Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC;
- + Kế hoạch Thông tin tuyên truyền CCHC;
- + Kế hoạch chuyển đổi số;
- + Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm Pháp luật trên địa bàn xã Phương Định năm 2024;
- + Kế hoạch duy trì, áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- + Kế hoạch Rà soát, công khai Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản công của đơn vị;
- + Kế hoạch Phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ công tác Cải cách hành chính xã Phương Định năm 2024

3. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Thường xuyên cập nhật các thông tin, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện trên Cổng thông tin điện tử của huyện. Chủ động, sáng tạo, áp dụng những giải pháp đổi mới để CCHC là khâu đột phá trong công tác, quản lý, chỉ đạo điều hành tại UBND xã. Rà soát và niêm yết công khai bộ TTHC, 100% TTHC được Chủ tịch UBND tỉnh công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được thực hiện tại Bộ phận một cửa.

Thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kịp thời uốn nắn, khắc phục những thiếu sót tồn tại trong thực hiện CCHC, thông qua các buổi họp định kỳ hàng tháng, giao ban đầu tuần. Phát động phong trào thi đua, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC để đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với cán bộ, công chức.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các bộ phận chuyên môn tại UBND xã.

Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử của xã, thông qua các hoạt động hội họp thường xuyên của đơn vị các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, của huyện về công tác cải cách hành chính về nhiệm vụ CCHC, trọng tâm là cải cách TTHC, lợi ích của việc sử dụng các dịch vụ công; vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, người đứng đơn vị, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Công khai các nội dung liên quan đến công tác CCHC cho công dân, các tổ chức, doanh nghiệp về mục đích yêu cầu, mục tiêu, chương trình CCHC và trình tự giải quyết công việc theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, công khai địa chỉ tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị về TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

Ban hành kịp thời Kế hoạch công tác Tư pháp; Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hòa giải ở cơ sở; Kế hoạch rà soát hệ thống hóa, tổ chức kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã; Kế hoạch công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý VPHC năm 2023.

Thực hiện tốt kế hoạch rà soát văn bản QPPL năm 2024, đến thời điểm báo cáo UBND xã đã ban hành 184 văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động điều hành của UBND xã, trong đó: 55 quyết định; 25 thông báo; 08 báo cáo; 18 kế hoạch; 44 tờ trình; 22 hợp đồng và 12 công văn. Các văn bản UBND xã ban hành đúng thể thức, thẩm quyền, đúng pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Ngày 29/12/2023, UBND xã Phương Định ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024. Thường xuyên rà soát, thay thế công khai kịp thời các thủ tục hành chính bãi bỏ, sửa đổi, bổ được áp dụng tại UBND xã. Tính đến thời điểm báo cáo, UBND xã đã công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 101 TTHC trên 9 lĩnh vực, cụ thể: Tư pháp 37 thủ tục, Lao động Thương binh & xã hội 18 thủ tục, Văn hóa - Xã hội 17 thủ tục, Nông nghiệp và phát triển nông thôn 07 thủ tục, Địa chính - Xây dựng, Môi trường 02 thủ tục, Thi đua - Khen thưởng 05 thủ tục, Giáo dục 05 thủ tục, Thanh tra 07 thủ tục, Tài chính - Kế hoạch 03 thủ tục.

Thực hiện nghiêm Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC” và các văn bản có liên quan của cấp trên. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thường xuyên duy trì tốt nề nếp làm việc, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết các TTHC đúng quy định, không có hồ sơ tồn đọng. Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến và được áp dụng quy trình giải quyết TTHC theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2015.

Kết quả giải quyết TTHC quý I năm 2024 (từ ngày 15/12/2023 đến ngày 07/03/2024), đã tiếp nhận và giải quyết 1.034 hồ sơ trong đó: Lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch là 985 hồ sơ; lĩnh vực Lao động TBXH là 12 hồ sơ; lĩnh vực Văn hóa 05 hồ sơ; lĩnh vực Thi đua khen thưởng 29 hồ sơ; lĩnh vực Thanh tra 03 hồ sơ; lĩnh vực Địa chính Xây dựng 0 hồ sơ Trong đó số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả trong ngày trả đúng hạn là 317 hồ sơ, trước hạn là 717 hồ sơ, tiếp nhận qua mạng là 1.034 hồ sơ.

UBND cấp xã cập nhật, niêm yết công khai đầy đủ các TTHC, bảng tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, nội quy tiếp công dân, nội quy hoạt động, biểu thu phí, danh sách cán bộ, công chức tại bộ phận Một cửa.

Quý I năm 2024 không có kiến nghị, phản ánh của công dân về việc giải quyết các TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thường xuyên rà soát, đánh giá việc thực hiện quy chế làm việc của đơn vị; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các lĩnh vực chuyên môn giúp việc cho UBND xã, Chủ tịch UBND xã, tránh chồng chéo, trùng lặp; phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, phù hợp cho từng cán bộ, công chức để tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo sự liên thông, đồng bộ, thống nhất, gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận chuyên môn, chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao.

Thực hiện việc quản lý, sử dụng biên chế đảm bảo hiệu quả theo đúng quy định; bố trí cán bộ, công chức đúng theo trình độ chuyên môn, vị trí việc làm đã được phê duyệt. Tổng số cán bộ, công chức được giao là 22 người, trong đó có 11 cán bộ, 10 công chức và 1 kiêm nhiệm (Chủ tịch Hội nông dân kiêm công chức Tài nguyên môi trường phụ trách Nông thôn mới) được bố trí theo tiêu chuẩn chức danh vị trí việc làm được phê duyệt.

Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các chức danh người hoạt động không chuyên trách, cán bộ hội, đoàn thể ở cơ sở đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, hoạt động hiệu quả.

4. Cải cách công vụ

Thực hiện các quy định về quản lý, giải quyết các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức theo đúng quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin của CBCC khi có sự thay đổi về chức vụ, trình độ chuyên môn, hệ số lương... vào hồ sơ quản lý CBCC phục vụ công tác quản lý, khai thác...

Thực hiện tốt công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị nhằm nâng cao năng lực, trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Hiện nay địa phương còn 01 công chức chưa hoàn thành chương trình lý luận chính trị; 03 đồng chí chưa đạt trình độ Đại học, đồng thời thường xuyên chọn cử cán bộ công chức đi học tập, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức. Việc đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh và ngạch công chức gắn đào tạo với quy hoạch, đề xuất tuyển dụng công chức; chú trọng bồi dưỡng trang bị kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ, kiến thức văn hóa công sở; nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ, ý thức kỷ luật, thái độ giao tiếp cho đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp công dân, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, đảm bảo 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tăng cường công tác kiểm tra, đẩy mạnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên chấn chỉnh việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, đạo đức công vụ, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân đối với từng cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện các quy định về quản lý, giải quyết các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức theo đúng quy định. Thường xuyên cập nhật các thông tin của CBCC khi có sự thay đổi về chức vụ, trình độ chuyên môn, hệ số lương... vào hồ sơ quản lý CBCC phục vụ công tác quản lý, khai thác...

Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, minh bạch về tài chính tại đơn vị, góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính và sử dụng có hiệu quả ngân sách của Nhà nước.

Về công tác quản lý tài sản công, UBND xã giao công chức Tài chính - Kế toán và công chức chuyên môn các phòng có trách nhiệm quản lý toàn bộ tài sản công của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các đoàn thể. Đến thời điểm hiện tại việc quản lý tài sản công đảm bảo theo quy định, đáp ứng yêu cầu và chưa có vấn đề đột xuất phát sinh.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử

- Thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2023 của UBND xã; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của đơn vị bảo đảm xử lý công việc nhanh, chính xác, giúp lãnh đạo nắm bắt thông tin chỉ đạo kịp thời.

- Tăng cường việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên dịch vụ công trực tuyến. Đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 góp phần công khai, minh bạch và tạo thuận lợi trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và người dân. Tiếp tục hướng dẫn lập tài khoản cá nhân trên dịch vụ công quốc gia và việc nộp hồ sơ trực tuyến cho tổ chức, công dân trên địa bàn xã. Kết quả hồ sơ trực tuyến đã tiếp nhận và giải quyết là 1.287/1.363 hồ sơ, trong đó 278 hồ sơ thực hiện việc trả phí qua mạng đã có hồ sơ nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Duy trì, cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của huyện, phát huy hiệu quả trang thông tin điện tử của xã. Trang thông tin điện tử của xã hoạt động ổn định, cung cấp tin bài thường xuyên; các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND xã ban hành; các hoạt động, hội nghị, kỷ niệm, kỳ họp của Đảng ủy, HĐND, UBND và các tổ chức đoàn thể đều được cập nhật và đăng tải, đảm bảo đúng tiêu chí Chính quyền điện tử cấp xã.

- UBND xã thực hiện chữ ký số 100% các văn bản chỉ đạo điều hành. Việc lưu trữ hồ sơ đã được lập danh mục hồ sơ lưu trữ điện tử và thực hiện lưu trữ điện tử theo đúng quy định.

- Về họp trực tuyến: Đảm bảo các hội nghị họp trực tuyến được thông suốt, duy trì tốt ứng dụng này đã phát huy hiệu quả như: tiết kiệm thời gian và chi phí...

- Việc duy trì, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Ngày 23/02/2024 UBND xã đã ban hành kế hoạch số 18/KH-UBND về duy trì, áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại UBND xã Phương Định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả giải quyết công việc một cách khoa học, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế, giúp lãnh đạo kiểm soát quá trình giải quyết công việc, minh bạch hóa các quy trình giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ hành chính công hướng tới sự hài lòng của tổ chức, cá nhân.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho cơ quan hành chính, nhất là Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo có đủ diện tích làm việc, phương tiện, trang thiết bị hiện đại cần thiết, đầu tư lắp đặt máy vi tính, máy scanner tại Bộ phận một cửa phục vụ nộp hồ sơ trực tuyến, hệ thống điều hòa nhiệt độ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước và phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

- Ngay từ đầu năm 2023, Đảng ủy, UBND xã, Chủ tịch UBND xã xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ hết sức quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ trên các nội dung; các Chương trình, Kế hoạch, văn bản chỉ đạo được ban hành kịp thời, đầy đủ, đảm bảo các nội dung yêu cầu.

- Trình tự thực hiện các TTHC ngày càng được quy định cụ thể rõ ràng, được công khai, minh bạch, việc hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ được thực hiện tốt, các tổ chức, cá nhân đến liên hệ và nộp hồ sơ đều thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết đều được niêm yết công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã, trên Trang thông tin điện tử để thuận tiện cho người dân truy cập; tỷ lệ nộp hồ sơ TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến đạt cao, việc thanh toán phí qua mạng và số hóa hồ sơ cũng được thực hiện đảm bảo; hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã đạt 100%, không có hồ sơ quá hạn; việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân được hướng dẫn đánh giá mức độ hài lòng.

- Công tác tuyên truyền về thực hiện cải cách hành chính được tiếp tục triển khai sâu rộng trong nội bộ Đảng, chính quyền và nhân dân góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, sự tham gia tích cực

của các đơn vị, đoàn thể, cán bộ, công chức trong công tác tuyên truyền CCHC, tạo điều kiện để người dân, tổ chức tích cực góp ý tham gia, giám sát cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện.

- Cải cách TTHC có nhiều chuyển biến tích cực, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức có nhiều chuyển biến tốt và đang tạo được lòng tin từ công dân.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của đơn vị tiếp tục được đẩy mạnh, hồ sơ TTHC được tiếp nhận và giải quyết trên môi trường mạng, thực hiện hiệu quả việc ứng dụng chữ ký số, việc gửi nhận văn bản điện tử thông qua hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc được kịp thời, chính xác tiết kiệm được thời gian giảm chi phí hành chính, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp.

2. Những hạn chế, tồn tại

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đồng đều, một số công chức ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để đổi mới phương thức làm việc, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Do thói quen trước đây khi giao dịch hành, trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ thông tin của người dân trên địa bàn xã còn yếu nên gặp nhiều khó khăn khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức, công dân nộp hồ sơ trực tuyến được đẩy mạnh nhưng số lượng hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3, 4 chưa cao.

Nguồn ngân sách dành cho công tác cải cách hành chính còn hạn chế, chưa đảm bảo theo quy định.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2024

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh, huyện và của địa phương trong năm 2024.

Tăng cường công tác rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp xã ban hành, làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính.

Thực hiện rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính, kiểm soát chặt chẽ việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC đảm bảo tuân thủ quy định Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Nghị định 107/2021/NĐ-CP; đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được giải quyết thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông, chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức đảm bảo 100% số hồ sơ được giải quyết trong ngày, trước hạn và đúng hạn.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tiếp tục đổi mới phương pháp quản lý, lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của UBND xã, Chủ tịch UBND xã và của đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn. Thường xuyên chấn chỉnh, kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong cơ quan; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá cải cách hành chính.

Đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của UBND xã.

Thực hiện chế độ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính nhà nước Quý I năm 2024 của UBND xã Phương Định./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Trực Ninh;
- Phòng Nội vụ;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Các tổ chức, đơn vị;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Khâm

Phụ lục 2
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 09 /BC-UBND ngày 08/3/2024 của UBND xã)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	12	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	16,67%	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	1	
3	Kiểm tra CCHC		0	
3.1	Số cơ quan đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1.034	
5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	0	
1.1.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
III	CẢI CÁCH TTHC			
1	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.1	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.2	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	101	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	1	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	$\frac{317}{1.034} = 31\%$	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1.034	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	317	
3.2	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.3.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.3.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
IV	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
-	Số lượng cán bộ, công chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người	0	
-	Số cán bộ cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
-	Số công chức cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
V	XD VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			
1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).			
	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	184/184= 100%	
2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%	27/101 =26%	
2.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	27	
2.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	27	
2.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ	Thủ tục		
2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	74/101 =74%	
2.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	74	
2.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	74	
2.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến một phần, toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh	%	100	
2.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần, toàn trình của địa phương	Thủ tục	101	
2.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến một phần, toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	101	
2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần, toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC một phần, toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%	1.034/1.034 = 100%	
2.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận	Hồ sơ	1.034	
2.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	1.034	
2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
2.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	101	
2.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	101	